

Số: 2233/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án Phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Dầu khí ngày 06 tháng 7 năm 1993; Luật sửa đổi một số điều của Luật Dầu khí ngày 09 tháng 6 năm 2000 và ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

Căn cứ Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với các nội dung sau:

I. PHẠM VI VÀ MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

Phạm vi Đề án bao gồm 03 phân ngành năng lượng (than, khí và điện lực) giữ vai trò quan trọng, chủ chốt trong chuỗi sản xuất và tiêu thụ năng lượng tại Việt Nam.

1. Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng, hình thành và phát triển thị trường năng lượng (than, khí, điện) cạnh tranh lành mạnh, theo từng giai đoạn và có sự điều tiết của Nhà nước, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia góp phần đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế - xã hội và thực hiện các mục tiêu, chính sách của Đảng và Nhà nước, tăng cường hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, góp phần bảo đảm giữ vững an ninh, quốc phòng và phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ của đất nước; cung cấp đầy đủ năng lượng với chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội.

b) Chuyển đổi ngành năng lượng sang hoạt động theo cơ chế thị trường cạnh tranh có sự điều tiết của nhà nước, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh, minh bạch, bình đẳng, không phân biệt đối xử, thu hút và đa dạng hóa phương thức đầu tư và kinh doanh trong lĩnh vực năng lượng; đồng thời khai thác và sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trong nước.

c) Phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông giữa các phân ngành than, khí và điện lực; bảo đảm giá năng lượng minh bạch do thị trường quyết định.

d) Thị trường than: Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ đối với việc cung cấp than cho sản xuất điện (đặc biệt là các nhà máy nhiệt điện BOT được Chính phủ bảo lãnh hợp đồng cung cấp than) và xuất khẩu than; từng bước chuyển đổi thị trường than theo hướng thị trường cạnh tranh hoàn chỉnh, các chủ thể tham gia thị trường thực hiện giao dịch, mua bán than, cung cấp các dịch vụ cho việc giao dịch, mua bán than tuân thủ quy định và thông lệ của thị trường.

đ) Thị trường khí: Từng bước xây dựng khung pháp lý làm cơ sở để triển khai mô hình kinh doanh cạnh tranh đối với hoạt động kinh doanh khí CNG, LPG và LNG; xây dựng lộ trình, vận hành thị trường cạnh tranh phân phối khí hạ nguồn với việc đưa vào áp dụng quy định quyền được thuê và sử dụng hạ tầng của bên thứ ba; tiếp tục thực hiện các cam kết của Chính phủ và cam kết thương mại đã ký đối với các hệ thống thu gom, phân phối khí phát triển trên cơ sở các dự án khai thác khí trong nước.

e) Thị trường điện: Cùng cố phát triển mở rộng thị trường bán buôn điện cạnh tranh, tạo tiền đề vững chắc để chuyển đổi sang giai đoạn thị trường bán lẻ điện cạnh tranh hoàn chỉnh theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

II. LỘ TRÌNH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG NĂNG LƯỢNG

1. Lộ trình phát triển thị trường khí

a) Giai đoạn từ năm 2021 đến hết năm 2025:

- Duy trì mô hình thị trường khí như hiện tại đối với việc cạnh tranh khâu khai thác và nhập khẩu khí tự nhiên (bằng đường ống) với một đầu mỗi thu mua tại thượng nguồn đối với mỗi hệ thống khai thác, phân phối khí (trừ các dự án

được Chính phủ phê duyệt cơ chế khác trong hợp đồng mua bán khí); cạnh tranh kinh doanh nhập khẩu và phân phối trên thị trường nội địa (không dùng đường ống) đối với LPG, CNG;

- Cho phép các nhà thầu, chủ đầu tư của dự án khai thác khí mới (Cá Voi Xanh, Lô B,...) lựa chọn đàm phán bán khí trực tiếp đến các loại hộ tiêu thụ hoặc bán buôn cho PVN/PVGas;

- Triển khai vận hành mô hình kinh doanh mới đối với các dự án LNG nhập khẩu (các thành phần tham gia nhập khẩu LNG bán khí trực tiếp đến các khách hàng);

- Xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý làm cơ sở để triển khai quyền được thuê và sử dụng hạ tầng bên thứ ba bao gồm các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn về kỹ thuật, thương mại, tài chính cần phải được hoàn thiện trước khi triển khai áp dụng;

- Xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, an toàn về xây dựng và vận hành kho cảng nhập khẩu LNG, các trang thiết bị vận chuyển LNG, bảo đảm về chất lượng, an toàn thiết kế, thi công, xây dựng và vận hành các công trình khí LNG;

- Thị trường khí trong giai đoạn 2021 đến 2025 cần được xây dựng và phát triển trên nguyên tắc phát huy vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp nhà nước chuyên ngành (Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Khí Việt Nam) nhằm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia; tận dụng kinh nghiệm, cơ sở hạ tầng sẵn có và tối ưu đầu tư, đặc biệt trong giai đoạn bắt đầu nhập khẩu LNG; đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp tư nhân trong nước tham gia đầu tư hạ tầng nhập khẩu LNG để tăng nguồn lực đầu tư, đa dạng nguồn cung ứng khí đốt cho nền kinh tế quốc dân.

b) Giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030:

- Từng bước xây dựng mô hình thị trường cạnh tranh phân phối khí đường ống hạ nguồn với việc đưa vào áp dụng quy định quyền được thuê và sử dụng hạ tầng của bên thứ ba. Cơ quan nhà nước xem xét, chỉ đạo việc xây dựng, áp dụng cước phí sử dụng hạ tầng dùng chung và giám sát công tác nhập khẩu, phân phối khí cho điện;

- Tiếp tục thực hiện các cam kết của Chính phủ và cam kết thương mại đã ký, các hệ thống thu gom, phân phối khí phát triển trên cơ sở các dự án khai thác khí trong nước;

- Tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt của các doanh nghiệp nhà nước chuyên ngành; đồng thời tăng cường thu hút các doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp tư nhân đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực khí đốt.

c) Giai đoạn từ năm 2031 đến hết năm 2045:

- Tiếp tục duy trì thực hiện các cam kết ở cấp Chính phủ và cam kết thương mại đã ký, còn hiệu lực liên quan đến các dự án khai thác khí trong nước và của các nhà đầu tư nước ngoài (nếu có);

- Vận hành đầy đủ thị trường cạnh tranh trong nhập khẩu, phân phối khí đường ống hạ nguồn và quyền được thuê và sử dụng hạ tầng của bên thứ ba; vận hành đồng bộ thị trường khí Việt Nam với thị trường điện Việt Nam;
- Xây dựng bổ sung hành lang pháp lý để hoàn thiện và vận hành tốt thị trường khí cạnh tranh.

2. Lộ trình phát triển thị trường than

a) Giai đoạn từ năm 2021 đến hết năm 2025:

- Duy trì mô hình các doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò nòng cốt trong việc khai thác, sản xuất, kinh doanh than trong nước; tăng cường thu hút các doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp tư nhân đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh than, đặc biệt là nhập khẩu than.

- Duy trì mô hình cấp than cho các hộ tiêu thụ như hiện nay, cụ thể:

+ Đối với than cho sản xuất điện: Thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2019, theo đó, chủ đầu tư nhà máy nhiệt điện than (trừ các nhà máy nhiệt điện BOT được Chính phủ bảo lãnh Hợp đồng cung cấp than) chịu trách nhiệm thu xếp nguồn than hợp pháp để cung cấp trong suốt thời gian tồn tại của nhà máy, đảm bảo cung cấp đủ, ổn định than cho hoạt động của nhà máy thông qua việc ký hợp đồng mua bán than dài hạn, trung hạn, ngắn hạn với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Đông Bắc hoặc các doanh nghiệp cung cấp than khác có nguồn than hợp pháp, đảm bảo giá than cạnh tranh, hiệu quả; các đơn vị cung cấp than chịu trách nhiệm cung cấp than ổn định cho các nhà máy điện (đặc biệt là các nhà máy điện BOT được Chính phủ bảo lãnh Hợp đồng cung cấp than) theo hợp đồng đã ký;

+ Đối với than cho các hộ khác ngoài điện: Thực hiện đấu thầu cạnh tranh hoặc thông qua thỏa thuận và ký hợp đồng mua bán than với giá biến động theo thị trường, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật;

+ Đối với than xuất khẩu: Các đơn vị sản xuất than trong nước thực hiện xuất khẩu loại than chất lượng cao mà trong nước không có nhu cầu sử dụng theo chỉ đạo hàng năm của Thủ tướng Chính phủ.

b) Giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030:

- Tiếp tục thực hiện các hợp đồng mua bán than được Chính phủ bảo lãnh và các hợp đồng thương mại than đã ký, còn hiệu lực; thực hiện xuất khẩu than theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ;

- Tiếp tục phát huy vai trò của các doanh nghiệp nhà nước chuyên ngành đảm nhiệm vai trò nòng cốt trong việc khai thác, sản xuất, kinh doanh than trong nước;

- Từng bước hình thành thị trường than với nhiều người bán và nhiều người mua, đa dạng hóa nguồn than (than sản xuất trong nước, pha trộn và nhập khẩu) và các đầu mối cung cấp than cho các hộ tiêu thụ;

- Nghiên cứu, xây dựng công cụ, hành lang pháp lý để tiến tới hoàn thiện, quản lý và vận hành tốt thị trường than cạnh tranh đầy đủ.

c) Giai đoạn từ năm 2031 đến hết năm 2045:

- Tiếp tục thực hiện các hợp đồng mua bán than được Chính phủ bảo lãnh và các hợp đồng thương mại than đã ký, còn hiệu lực; thực hiện xuất khẩu than theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ;

- Vận hành thị trường than cạnh tranh đầy đủ tại các phân khúc thị trường than, các chủ thể tham gia thị trường thực hiện giao dịch, mua bán than, cung cấp các dịch vụ cho việc giao dịch, mua bán than tuân thủ quy định và thông lệ của thị trường; khuyến khích các doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp tư nhân đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực than;

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung công cụ, hành lang pháp lý để hoàn thiện, quản lý và vận hành tốt thị trường than cạnh tranh đầy đủ.

3. Lộ trình phát triển thị trường điện

a) Giai đoạn từ năm 2021 đến hết năm 2025: củng cố, hoàn thiện thị trường bán buôn điện cạnh tranh; triển khai xây dựng và đưa vào vận hành thị trường bán lẻ điện cạnh tranh theo tiến độ quy định tại Quyết định số 63/2013/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về lộ trình, các điều kiện và cơ cấu ngành điện để hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện lực tại Việt Nam.

b) Giai đoạn từ năm 2026: Hoàn thiện, phát triển, mở rộng phạm vi thị trường bán lẻ điện cạnh tranh.

III. CÁC GIẢI PHÁP

1. Giải pháp tổng thể

a) Giải pháp về tổ chức, quản lý đối với ngành năng lượng:

- Nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước đối với ngành năng lượng nhằm giải quyết kịp thời những vướng mắc và rào cản về mặt pháp lý;

- Hoàn thiện khung pháp lý đối với ngành năng lượng phù hợp với các giai đoạn phát triển của thị trường năng lượng (khí, than, điện) và chính sách thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo. Các văn bản quy phạm pháp luật cần được cập nhật kịp thời để phù hợp với thực tế phát sinh trong quá trình thực hiện, đồng thời phải đảm bảo tính thống nhất, tránh những sự chồng chéo hoặc mâu thuẫn giữa các quy định;

- Thực hiện tái cơ cấu ngành năng lượng với lộ trình cụ thể, phù hợp các giai đoạn phát triển của thị trường năng lượng, đảm bảo tách bạch rõ giữa các lĩnh vực, các khâu mang tính độc quyền tự nhiên với các lĩnh vực, các khâu có tiềm năng cạnh tranh trong ngành năng lượng nhằm nâng cao tính minh bạch, hiệu quả, không phân biệt đối xử giữa các thành viên tham gia thị trường năng lượng;

- Phát triển thị trường khí, thị trường than gắn liền với chính sách ưu tiên, ổn định nguồn cung cấp khí, than cho sản xuất điện nhằm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia;

- Xây dựng chính sách thuế, phí hợp lý cho ngành năng lượng, đảm bảo hài hòa lợi ích nhà nước, lợi ích doanh nghiệp và lợi ích cộng đồng.

b) Giải pháp về quy hoạch phát triển ngành năng lượng:

Khẩn trương thực hiện và hoàn thành Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Nhiệm vụ lập Quy hoạch tại Quyết định số 1743/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ) và Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nhiệm vụ lập Quy hoạch tại Quyết định số 1264/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ), trong đó đảm bảo tính đồng bộ giữa các phương án quy hoạch phát triển các phân ngành than, khí và điện.

c) Giải pháp về giá năng lượng:

- Từng bước đưa giá năng lượng vận hành theo cơ chế thị trường cạnh tranh, đảm bảo phản ánh đúng các chi phí hợp lý hợp lệ, minh bạch, công khai. Nhà nước chỉ điều tiết mức giá, phí đối với các khâu mang tính độc quyền tự nhiên trong ngành năng lượng, hoặc tại các lĩnh vực, khu vực chưa có cạnh tranh;

- Thực hiện điều chỉnh giá bán lẻ điện phù hợp với các biến động giá trên thị trường than, khí.

d) Giải pháp về ứng dụng khoa học, công nghệ:

- Đẩy mạnh việc áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong các lĩnh vực của ngành năng lượng, đẩy mạnh mức độ tự động hóa trong các khâu vận hành, điều khiển các dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo vệ môi trường;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu hạ tầng năng lượng; tăng cường đầu tư cho công tác thu thập, phân tích thông tin, công tác dự báo thị trường năng lượng.

đ) Giải pháp về đào tạo, nâng cao nhận thức, nhân lực và hợp tác quốc tế:

- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu trong quản lý, tư vấn, vận hành thị trường năng lượng cạnh tranh;

- Tăng cường hợp tác quốc tế để thu hút nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và thúc đẩy chuyển giao công nghệ, xây dựng thể chế chính sách, đào tạo nguồn nhân lực, cho vay ưu đãi, bảo lãnh tín dụng, tạo điều kiện tiếp cận các nguồn vốn từ các tổ chức tài chính quốc tế cho các dự án trong lĩnh vực năng lượng.

2. Giải pháp phát triển thị trường khí

a) Bổ sung quy định về thị trường khí vào Luật Dầu khí và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý ngành công nghiệp khí để hỗ trợ hoạt động chuẩn bị đầu tư, đầu tư xây dựng các dự án kho nhập khẩu, phân phối LNG trên thị trường và triển khai lộ trình thị trường khí.

b) Bổ sung nhiệm vụ chỉ đạo thị trường khí đối với Ban Chỉ đạo Nhà nước các dự án trọng điểm về dầu khí, trong đó Bộ Công Thương đóng vai trò Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo, để triển khai thực hiện lộ trình thị trường khí Việt Nam.

c) Thúc đẩy công tác đầu tư các dự án đầu tư khai thác mỏ, cơ sở hạ tầng khí, nhập khẩu khí, điện khí, tái hóa khí LNG đảm bảo đáp ứng nhu cầu trong nước.

3. Giải pháp phát triển thị trường than

a) Thực hiện cơ chế hợp đồng mua bán than dài hạn đối với các hộ tiêu thụ than lớn; phát triển các hợp đồng điện tử mua bán than; nghiên cứu, thử nghiệm niêm yết than trên các sàn giao dịch hàng hoá với các hợp đồng tương lai, phái sinh.

b) Đối với than nhập khẩu: Đẩy mạnh nghiên cứu, tìm hiểu nguồn than nhập khẩu làm cơ sở để xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược nhập khẩu than và đầu tư khai thác than ở nước ngoài; xem xét việc tổ chức thực hiện nhập khẩu than thông qua các doanh nghiệp đầu mối có đủ năng lực và đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh than theo quy định nhằm phát huy thế mạnh trong đàm phán khi mua than với khối lượng lớn. Nghiên cứu áp dụng chỉ số giá than trong giao dịch nhập khẩu than cụ thể:

- Giai đoạn từ nay đến năm 2025: Nghiên cứu chỉ số than quốc tế phù hợp cho tham chiếu giá than nhập khẩu về Việt Nam;

- Giai đoạn sau năm 2025: Thí điểm áp dụng và tiếp tục hoàn thiện để triển khai chỉ số giá than trong giao dịch than nhập khẩu nếu phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

c) Điều hành giá bán than trong nước theo cơ chế thị trường, đảm bảo bù đắp đủ chi phí có mức lợi nhuận hợp lý cho đơn vị sản xuất than để đáp ứng nhu cầu đầu tư bổ sung duy trì công suất và đầu tư mở rộng tăng sản lượng than, có tính đến hiệu quả kinh tế - xã hội của than sản xuất trong nước.

d) Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất kinh doanh than phù hợp nhu cầu xuất khẩu, nhập than theo từng khu vực và vị trí địa lý, đặc biệt là các cảng phục vụ trung chuyển than, nhập khẩu than.

đ) Khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp ngành than nhằm:

- Thực hiện các dự án khai thác than tại các khu vực mà ngành than còn chưa làm chủ được công nghệ (khai thác than dưới các công trình dân dụng, công nghiệp, khu vực chứa nước...);

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển ngành than.

e) Hỗ trợ đầu tư phát triển ngành công nghiệp than gắn với đảm bảo an ninh năng lượng thông qua các giải pháp sau:

- Chính sách hỗ trợ đầu tư thăm dò than một cách thích hợp để phát triển tài nguyên than;

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, cung ứng và nhập khẩu than.

g) Đổi mới, tái cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh than:

- Tiếp tục duy trì tập trung sản xuất than theo mô hình nhóm công ty để có các tập đoàn/tổng công ty lớn đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế;

- Đẩy mạnh thực hiện Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Sắp xếp các doanh nghiệp sản xuất than theo hướng hợp nhất một số mỏ có cùng khoáng sản khi khai thác xuống sâu nhằm nâng công suất, tăng năng suất và giảm giá thành sản xuất than.

h) Kịp thời điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách tiền lương, chăm sóc sức khỏe, phúc lợi xã hội, nhà ở, bảo hiểm để thu hút lao động vào làm tại các mỏ than (đặc biệt là các mỏ than hầm lò).

4. Giải pháp phát triển thị trường điện

a) Hoàn thiện thị trường bán buôn điện cạnh tranh:

- Thực hiện tái cơ cấu ngành điện theo quy định tại Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo thị trường bán buôn điện vận hành minh bạch, công bằng, hiệu quả;

- Hoàn thiện các cơ chế vận hành của thị trường điện giao ngay, các cơ chế hỗ trợ vận hành thị trường điện giao ngay và hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ thị trường bán buôn điện, đảm bảo thị trường điện vận hành theo đúng mô hình thiết kế đã được phê duyệt.

b) Xây dựng và vận hành thị trường bán lẻ điện cạnh tranh:

- Nghiên cứu, xây dựng Đề án tái cơ cấu ngành điện phục vụ thị trường bán lẻ điện cạnh tranh phù hợp với mô hình thiết kế thị trường bán lẻ điện cạnh tranh đã được phê duyệt;

- Rà soát, bổ sung hoàn thiện các quy định pháp lý phục vụ vận hành và điều tiết thị trường bán lẻ điện cạnh tranh;

- Rà soát, nghiên cứu điều chỉnh các quy định pháp lý về cơ chế giá bán lẻ điện phù hợp với thị trường bán lẻ điện. Xoá bỏ các rào cản để bảo đảm giá điện minh bạch, xác định theo nguyên tắc thị trường cạnh tranh theo đúng tinh thần tại Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương

a) Chịu trách nhiệm quản lý và chỉ đạo triển khai xây dựng và phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh cho đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt các đề án tái cơ cấu ngành than cho phát triển thị trường than, thiết kế mô hình thị trường than phù hợp lộ trình đã phê duyệt.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung, trình cấp có thẩm quyền ban hành, hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế chính sách, văn bản pháp lý phục vụ phát triển thị trường năng lượng theo từng giai đoạn.

c) Chủ trì rà soát, hoàn thành các điều kiện về cơ sở hạ tầng, tái cơ cấu ngành năng lượng, triển khai thực hiện các giải pháp cần thiết để xây dựng và phát triển thị trường năng lượng theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng trình Chính phủ ban hành chính sách giá năng lượng theo cơ chế thị trường, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng.

đ) Chủ trì xây dựng kế hoạch xuất khẩu than dài hạn, trung hạn, hằng năm đối với các chủng loại than trong nước chưa có nhu cầu sử dụng, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

2. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ, ngành liên quan rà soát, xem xét các văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí phù hợp với việc hình thành và phát triển thị trường năng lượng.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương nghiên cứu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ các cơ chế, chính sách về tài chính phục vụ xây dựng phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, thí điểm, triển khai áp dụng chỉ số giá than trong giao dịch than nhập khẩu.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương liên quan chỉ đạo giải quyết kịp thời các vướng mắc và đẩy nhanh tiến độ trong công tác cấp phép thăm dò, khai thác than để đảm bảo tiến độ thăm dò, đầu tư xây dựng mỏ và khai thác than phù hợp các quy hoạch liên quan.

b) Nâng cao chất lượng công tác cấp phép thăm dò, khai thác than để đảm bảo doanh nghiệp được cấp phép có đủ năng lực thực hiện hoạt động thăm dò, đầu tư khai thác than. Nâng cao hiệu quả và tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác thăm dò để đảm bảo độ tin cậy, công tác khai thác đảm bảo khai thác tối đa tài nguyên than gắn với an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

c) Đẩy mạnh đánh giá tổng thể bể than Đông Bắc, điều tra cơ bản tài nguyên than tại bể than sông Hồng để làm cơ sở quy hoạch, triển khai các đề án thăm dò than.

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan đẩy nhanh thực hiện Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (trong đó có khoáng sản than) đồng bộ, kịp thời với Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

đ) Nghiên cứu đề xuất cơ chế phù hợp để cho phép các doanh nghiệp được tham gia thực hiện công tác điều tra cơ bản tài nguyên than bằng nguồn chi phí của doanh nghiệp; xem xét cấp giấy phép thăm dò đến đáy tầng than để nâng cao hiệu quả các công tác thăm dò than.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các chính sách hỗ trợ đầu tư thăm dò than, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ nhập khẩu than, đầu tư ra nước ngoài để khai thác than phục vụ nhu cầu trong nước.

b) Xây dựng cơ chế chính sách cho phép các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước được đàm phán, ký kết các hợp đồng dài hạn nhập khẩu các nguồn năng lượng theo giá thị trường và phù hợp với thông lệ quốc tế.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ: Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, thúc đẩy việc nghiên cứu, chuyên giao, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để khai thác than dưới mức -300 bề than Đông Bắc; khai thác và sử dụng hiệu quả bề than đồng bằng sông Hồng; khai thác than dưới các công trình công nghiệp, dân dụng, khu vực chứa nước; khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn than nhiệt lượng thấp và các sản phẩm khác chế biến than.

6. Bộ Giao thông vận tải

a) Cập nhật, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hệ thống cảng biển, luồng lạch, hệ thống giao thông nội địa theo quy định đáp ứng nhu cầu về vận tải, chuyển tải than xuất nhập khẩu, bảo đảm nguyên tắc sử dụng tối ưu quỹ mặt đất, mặt nước bảo đảm phát triển bền vững ngành công nghiệp khí, than và công nghiệp hàng hải trong tổng thể chiến lược kinh tế biển của Việt Nam.

b) Thỏa thuận quy hoạch chi tiết đối với các cảng biển chuyên dụng nhập khẩu LNG, trung chuyển than nhập khẩu được đề nghị bổ sung vào Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam.

7. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Phối hợp, nghiên cứu, hoàn thiện và tổ chức triển khai cụ thể hóa các nhiệm vụ và giải pháp có liên quan đến ngành than và thị trường than.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố và các khu kinh tế, khu công nghiệp, hoàn chỉnh quy hoạch sử dụng đất, mặt biển (nếu có) có tính đến việc xây dựng các dự án công trình ngành công nghiệp khí và than.

b) Ưu tiên dành quỹ đất, mặt nước để xây dựng các công trình ngành công nghiệp khí và các công trình ngành than.

c) Chịu trách nhiệm về công tác đền bù, tái định cư giải phóng mặt bằng cho các công trình ngành công nghiệp khí, than và điện theo quy định.

d) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, doanh nghiệp liên quan trong quản lý hoạt động sản xuất than theo quy định của pháp luật; rà soát, cập nhật, điều chỉnh kịp thời ranh giới cấm và tạm cấm hoạt động khoáng sản. Xem xét ưu tiên việc khai thác tối đa tài nguyên than trước khi đầu tư xây dựng các công trình kiên cố trên mặt trong quá trình điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

9. Các doanh nghiệp hoạt động trong ngành năng lượng

a) Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp khí:

- Doanh nghiệp nhà nước chuyên ngành (Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Khí Việt Nam) có vai trò chủ chốt trong việc triển khai mô hình kinh doanh khí, đặc biệt là công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nhập khẩu khí cho sản xuất điện và các hộ tiêu thụ khác trên cơ sở phát huy nguồn lực và kinh nghiệm sẵn có; xây dựng đơn vị có thương hiệu mạnh về kinh doanh khí mang tính quốc tế từng bước phát triển thị trường trong khu vực và thế giới, tham gia sâu rộng vào tất cả các khâu cung ứng của chuỗi giá trị LNG bao gồm đầu tư vào khâu thượng nguồn, hoá lỏng, vận chuyển và kinh doanh;

- Các doanh nghiệp chịu trách nhiệm triển khai công tác đầu tư, xây dựng các dự án khí theo quy hoạch và chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Các doanh nghiệp được Nhà nước giao triển khai Dự án nhập khẩu LNG có trách nhiệm tổ chức xây dựng các cơ sở hạ tầng cho việc nhập khẩu LNG; quản lý vận hành và nhập khẩu LNG theo quy định;

- Chủ trì nghiên cứu phương án khai thác, sử dụng các nguồn khí từ mỏ Cá Voi Xanh, Lô B và các mỏ khác; phương án nhập khẩu LNG, tái hóa khí và cung cấp cho hộ tiêu thụ khí hợp lý và đảm bảo hiệu quả, phù hợp với nhu cầu sử dụng; báo cáo Bộ Công Thương xem xét trình Thủ tướng Chính phủ.

b) Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Đông Bắc và các doanh nghiệp khai thác, kinh doanh than:

- Thực hiện nhiệm vụ khai thác, cung ứng than theo định hướng trong quy hoạch, kế hoạch và hợp đồng với các đơn vị sử dụng than;

- Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Đông Bắc: Thực hiện tốt vai trò đầu mối trong việc cung cấp than cho nhu cầu tiêu thụ trong nước phù hợp lộ trình phát triển thị trường than; đầu tư các dự án nguồn điện theo nhiệm vụ được giao.

c) Tập đoàn Điện lực Việt Nam:

- Đầu tư, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ vận hành thị trường điện theo các cấp độ;


- Triển khai thực hiện các quy định, kế hoạch về tái cấu trúc Tập đoàn theo kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tổng giám đốc các Tập đoàn: Điện lực Việt Nam; Dầu khí Việt Nam; Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Tập đoàn: Điện lực Việt Nam, Dầu khí Việt Nam, Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
- Tổng công ty Khí Việt Nam;
- Tổng công ty Đông Bắc;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, KGVX, ĐMDN, QHQT, QHĐP;
- Lưu: VT, CN (2).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng